

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**ẨN DỤ Ý NIỆM “NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG”
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**
NGUYỄN THỊ VÂN ANH*

TÓM TẮT: Hiện tượng tự nhiên “trăng” là đối tượng văn học phổ biến của nhiều dân tộc trên thế giới, văn học Trung đại Việt Nam cũng không ngoại lệ. Trong quá trình tri nhận để nhận thức về người phụ nữ và lí giải về thế giới xung quanh người phụ nữ, ý niệm “trăng” trong văn học Trung đại Việt Nam dựa trên cơ sở lí thuyết ẩn dụ ý niệm được mở rộng, mang lại nghĩa ẩn dụ và nội hàm văn hóa phong phú. Với 29 dụ dẫn, 48 lượt xuất hiện và 38 biểu thức ẩn dụ trong số 2.781 biểu thức ẩn dụ và hoán dụ biểu thị ý niệm người phụ nữ được khảo sát từ 71 tác phẩm chữ Nôm của văn học Trung đại Việt Nam (tk XVIII - nửa đầu tk XIX), trên cơ sở lí thuyết Ẩn dụ Ý niệm của Ngôn ngữ học Tri nhận, trên nền tảng Âm Dương trong thuyết Tam Tài Thiên - Nhân - Địa của triết học cổ đại phương Đông, bài nghiên cứu này đã xác lập được 3 hệ thống ánh xạ giữa nguồn-đích TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ: (1) CÁC LOẠI PHỤ NỮ LÀ CÁC LOẠI TRĂNG, (2) TUỔI ĐỜI CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỘC LẶN CỦA TRĂNG, (3) HÌNH DÁNG CÁC BỘ PHẬN TRÊN GƯƠNG MẶT NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG CỦA TRĂNG; đã giải mã được lí do các thuộc tính của miền nguồn TRĂNG được kích hoạt để ánh xạ đến các thuộc tính của miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ, tức cả TRĂNG và NGƯỜI PHỤ NỮ đều thuộc phần âm của vũ trụ; đã chứng minh được vũ trụ quan của người Việt xưa trong mối quan hệ nguồn-đích TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; trăng; người phụ nữ; thuyết Tam tài Thiên - Nhân - Địa; văn học Trung đại Việt Nam.

NHẬN BÀI: 23/12/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/02/2025

1. Dẫn nhập

Trong quá trình nghiên cứu ngữ nghĩa của từ vựng, chúng ta thường sử dụng một từ hoặc ngữ này để miêu tả một từ hoặc ngữ khác, thường dựa trên sự tương đồng giữa hai sự vật, tức là hiện tượng thuần từ vựng nằm ở bề nổi của ngôn ngữ (Geeraerts, D., 2010, tr.299). Nhưng dưới ánh sáng lí thuyết Ẩn dụ ý niệm, chúng ta có thể thông qua miền ý niệm này để hiểu một miền ý niệm khác, không dựa trên sự tương đồng hai sự vật mà là dựa vào sự tương ứng (correspondences) trong kinh nghiệm. Như vậy, tư duy có hệ thống của con người được thể hiện qua ngôn ngữ, là một hiện tượng của ý niệm, vừa mang tính phổ quát lại vừa mang tính đặc thù của mỗi dân tộc (Kövecses, Z., 2010, tr.xii; Lý Toàn Thắng, 2015, tr.65).

Đối với ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ tràn ngập trong đời sống hàng ngày của con người. Ẩn dụ không chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ, mà còn xuất hiện cả trong tư duy và hành động của con người. Hệ thống ý niệm mà chúng ta tư duy và hành động, về cơ bản đều là mang tính ẩn dụ (Lakoff, G. & Johnson, M., 1980, tr.4). Ẩn dụ ý niệm là việc HIỂU (to understand) một miền ý niệm (miền nguồn) thông qua một miền ý niệm khác (miền đích) bằng tập hợp ánh xạ có tính hệ thống, qua đó các thuộc tính (elements) ở miền nguồn ánh xạ lên các thuộc tính ở miền đích tạo nên mô hình tri nhận giúp lĩnh hội miền đích rõ ràng hơn (Kövecses, Z., 2010). Theo Kövecses (2010), căn cứ vào chức năng nhận thức của ẩn dụ, thì ẩn dụ được chia làm ba loại: *Ẩn dụ cấu trúc* (structural metaphors), *ẩn dụ bản thể* (ontological metaphors) và *ẩn dụ định hướng* (orientational metaphor). Chúng tôi áp dụng loại ẩn dụ cấu trúc. Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ trong đó “một ý niệm được cấu trúc một cách ẩn dụ thông qua một ý niệm khác. Kiểu AD này thường sử dụng kết quả của phép biểu trưng hóa trong liên tưởng, giúp người ta hiểu ý niệm đích A (thường trừu tượng) thông qua các cấu trúc ý niệm nguồn B (cụ thể hơn)” (Lý Toàn Thắng, 2015). Ẩn dụ cấu trúc là loại thường gặp nhất, phổ biến nhất, cung

*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: ntvanh@ufl.udn.vn

cấp tập hợp ánh xạ giữa nguồn và đích tương đối phong phú.

Chức năng chính của ẩn dụ ý niệm là tri nhận bằng cách hình dung về một thứ thông qua một thứ khác trên cơ sở nghiệm thân. Cơ sở của ẩn dụ ý niệm là dựa trên sự trải nghiệm của con người chứ không mang tính tùy tiện, ngẫu nhiên, vô đoán. Ở bài nghiên cứu này, tri nhận của người xưa trong văn học Trung đại Việt Nam dựa trên cơ sở nghiệm thân văn hóa xã hội, cụ thể là bị chi phối bởi thuyết Tam tài, Âm Dương trong *Kinh Dịch*.

Theo quan niệm của triết học cổ đại phương Đông, con người là vũ trụ thu nhỏ như Lão Tử đã nói: “Nhân thân tiểu thiên địa”. Chính vì vậy, con người là sự thống nhất của vũ trụ (vũ chỉ không gian trên dưới và trụ chỉ thời gian xưa qua nay lại). Theo mô hình của thuyết Tam tài, con người là một trong ba ngôi Thiên - Nhân - Địa, được gọi là “Dĩ nhân vi trung” (Trần Quốc Vượng, 1996, tr.10). Có thể tìm thấy quan niệm “con người là trung tâm vũ trụ” xuất hiện ở *Lễ vận: Nhân giả kì thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí* (人者其天地之德, 阴阳之交、鬼神之会、五行之秀气; Người là cái đức/ cái hoạt lực của thiên địa, là giao điểm của âm dương, nơi quỷ thần tụ họp, là cái khí tinh tế của ngũ hành). Khi nói người là “âm dương chi giao”, tức đặt con người vào cùng một “cơ thể” của trời dương - đất âm, của vũ trụ với thời gian trục hoành - không gian trục tung. Đặt trong thể âm dương này, con người không còn là hành tinh lơ lửng cô đơn giữa không trung như câu nói người là “động vật biết suy luận” nữa. Nếu như nói con người là động vật biết suy luận, tuy rất chính xác nhưng lại khiến cho bản thể con người tách biệt với mối liên hệ giữa trời và đất. Chủ trương con người thuộc âm dương tức là đặt con người vào “cơ thể” vũ trụ - con người là một tiểu vũ trụ (Kim Định, 2017, tr.114-118).

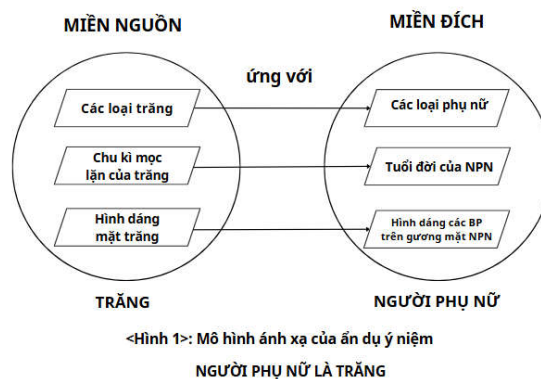
Từ vựng trong văn học Trung đại được coi là nền tảng của tiếng Việt ở thời kì Cận đại và Hiện đại, nên nghiên cứu ngữ nghĩa của từ vựng và hệ thống tư duy của người xưa, đặc biệt là từ vựng thuộc phạm trù người phụ nữ trong văn học Trung đại Việt Nam - đại diện phần âm của vũ trụ, là rất có ý nghĩa. Chúng tôi chỉ khảo sát các từ ngữ biểu thị người phụ nữ trong các tác phẩm chữ Nôm của văn học Trung đại Việt Nam ở giai đoạn đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn tác phẩm văn học chữ Nôm đạt đến đỉnh cao về mọi mặt, đồng thời cũng là giai đoạn người phụ nữ được đề cập nhiều nhất (Nguyễn Đăng Na, 2006, tr.10). Trong giai đoạn văn học này, người xưa thường dùng các hiện tượng tự nhiên để nói về người phụ nữ, trong đó có TRĂNG.

Bài báo này nghiên cứu “Ẩn dụ ý niệm NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG” trong 71 tác phẩm chữ Nôm của văn học Trung đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Mục đích nghiên cứu như sau: (1) Xác lập được sơ đồ ánh xạ giữa cặp nguồn-đích: TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ; (2) giải mã tại sao miền nguồn TRĂNG được kích hoạt để phóng chiếu đến miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ trên cơ sở nghiệm thân gốc văn hóa; (3) hiểu được vũ trụ quan của người Việt xưa về NGƯỜI PHỤ NỮ thông qua miền nguồn TRĂNG. Trong số 2.781 biểu thức ẩn dụ và biểu thức hoán dụ biểu thị người phụ nữ mà chúng tôi khảo sát được, miền nguồn TRĂNG có 29 dụ dẫn, 48 lượt xuất hiện và 38 biểu thức ẩn dụ, chiếm 0,14% tổng số khối ngữ liệu. Tuy biểu thức ẩn dụ về trăng chiếm tỉ lệ không cao, nhưng cũng có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tư duy của người Việt xưa về vai trò của thuộc tính âm - người phụ nữ trong vũ trụ, về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến được thể hiện qua mối quan hệ nguồn-đích TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ.

2. Các ánh xạ của ẩn dụ NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG

Với miền nguồn-đích TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ, từ khối ngữ liệu được khảo sát được, chúng tôi đã xác định được 3 thuộc tính (elements) có khả năng được kích hoạt (activates) để kết nối với các thuộc tính ở miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ tạo ra các ánh xạ (mapping) như: “Các loại trăng” kết nối với “các loại phụ nữ”; “chu kì mọc lặn của trăng” kết nối với “tuổi đời của người phụ nữ”; “hình dáng của trăng” kết nối với “hình dáng các bộ phận trên gương mặt người phụ nữ”. Với những diễn giải này, chúng ta có thể sắp xếp một tập hợp các ánh xạ sự tương ứng giữa các thuộc tính ở miền nguồn và các thuộc tính ở miền đích. Khi đưa ra sự tương ứng hoặc ánh xạ, phải đảo ngược đích-nguồn của các ẩn dụ ý niệm thành nguồn-đích để nhấn mạnh quan điểm rằng sự hiểu biết thường đi từ ý niệm cụ thể hơn đến ý niệm trừu tượng hơn, tức các thuộc tính của miền nguồn TRĂNG được

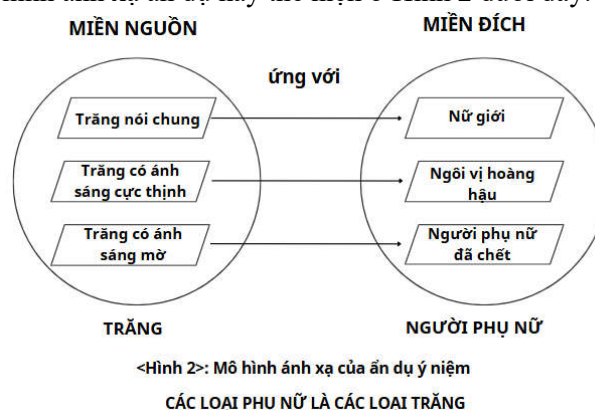
ánh xạ lên các thuộc tính của miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ tạo nên mô hình tri nhận giúp lĩnh hội miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ rõ ràng mạch lạc hơn. Mô hình ánh xạ được thể hiện cụ thể ở Hình 1:



Theo “Từ điển tiếng Việt” (Hoàng Phê, 2015, tr.977), “Mặt Trăng là vệ tinh tự nhiên của trái đất, phản chiếu ánh sáng của Mặt Trời và chiếu sáng Trái Đất về ban đêm, có hình dạng nhìn thấy thay đổi dần từng ngày theo chu kì từ khuyết đến tròn và ngược lại”. Con người nhận biết mặt trăng bởi khả năng phát sáng vào ban đêm của nó, nhờ vào ánh sáng mà nhận diện hình dáng tròn khuyết của trăng. Căn cứ vào thuyết Âm Dương, mặt trời chiếu sáng ban ngày, có ánh sáng rực rỡ nên mang tính dương; trăng sao chiếu sáng ban đêm, có ánh sáng mát dịu nên mang tính âm. Mặt trăng, mặt trời là hiện tượng tự nhiên hoạt động theo chu kì ngày đêm. Ngày có tia nắng mặt trời rực rỡ là dương, đêm có ánh trăng ánh sao mát dịu là âm; ở ngôi Nhân, con người đứng đầu vạn vật vì có khả năng kết nối giữa Thiên và Địa. Con người kết nối với trời mang tính dương - đó là nam giới. Con người kết nối với đất mang tính âm - đó là nữ giới. Chính vì vậy, con người cũng là một tiểu vũ trụ có âm có dương. Với kiểu tư duy như vậy, miền nguồn TRĂNG mang tính âm được kích hoạt để kết nối với miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ cũng mang tính âm.

2.1. Ẩn dụ bậc dưới CÁC LOẠI PHỤ NỮ LÀ CÁC LOẠI TRĂNG

Với ẩn dụ bậc dưới CÁC LOẠI PHỤ NỮ LÀ CÁC LOẠI TRĂNG, khảo sát và tìm thấy 9 dụ dẫn và 27 lượt xuất hiện. Mô hình ánh xạ ẩn dụ này thể hiện ở Hình 2 dưới đây:



a. Ẩn dụ NỮ GIỚI LÀ TRĂNG NÓI CHUNG

Theo thuyết Âm Dương, “sao” cũng có đặc tính của “trăng” vì đều phát sáng vào ban đêm nên mang tính âm, do vậy chúng tôi đưa “sao” vào miền nguồn của “trăng”, gọi tắt là TRĂNG.

- Trăng chỉ nữ giới (đàn bà con gái nói chung) với dụ dẫn *nguyệt* (1) trong các biểu thức ẩn dụ:

(1) *Từ ngày theo gót chốn vân tiên, Nguyệt (Viên Thị vợ Tôn Sinh) ước lòng xưa chứa chút quen* [1].

Nhớ xuân dễ khiến hoa rơi lệ, Tủi phận cho nên nguyệt ngậm ngùi (Viên Thị vợ Tôn Sinh) [1].

Nhắc trông nàng chốn thiền lâm, Càng êm ả (dịu dàng) nguyệt, càng đậm thắm hoa [16].

Bấy chầy dài nguyệt dầu hoa (bị mưa thì trăng sẽ mờ: người con gái bị dài dầu mưa nắng), Mười phần xuân, có gầy ba bốn phần [3].

Bẽ bàng thân phận liễu bồ, Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu (người con gái đẹp như trăng mùa thu) ủ chiều (ủ rũ kém tươi) [3].

- Trăng được ví với bé gái với dụ dẫn nguyệt (2) trong các biểu thức ẩn dụ:

(2) Then vàng khóa phòng lan hẻ nguyệt (sinh con gái), Gấm tường vân hoa dệt văn tinh [3].

Rằng Kim Tiên (người con gái đi tu đắc đạo) kẻ thương thay, Bào thai mộng nguyệt (mơ thấy sinh con gái) mần ngày treo khăn (tục xưa sinh con gái thì treo khăn bên phải cửa) [1].

- Trăng chỉ người con gái trẻ trung, trinh nguyên với các dụ dẫn trăng (3); nguyệt, bóng nguyệt (4) trong các biểu thức ẩn dụ:

(3) Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng, Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương (Mặt trăng tròn vành vạnh: Người con gái tuổi trăng rằm) [3].

Bấy chầy gió táp mưa sa, Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn (từ khi gặp ngộ biến bán mình chuộc cha, một thời tuổi trẻ trinh nguyên của Kiều không còn nữa) [3].

Hoa tàn mà lại thêm tươi, Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa (Kim Trọng cho rằng: tuy Kiều không còn trong trắng như xưa, nhưng lại quý hơn xưa vì Kiều đã hi sinh vì chữ hiếu) [3].

(4) Bút Vương khôn dạm nên đồ, Đài gương hoa ánh, đáy hồ nguyệt in (Nhụy Châu như mặt trăng in bóng đáy hồ) [2].

Kìa những kẻ son phai phấn nhạt, cuộc phong trần luống đã chán chường xuân. Huống con lấy mặt hoa mày liễu chi dung nghi, chính đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt [2].

- Trăng, sao được ví với người con gái xinh đẹp hiếm có với dụ dẫn trăng (5), nguyệt (6), có một vàng (7); sao (8) trong các biểu thức ẩn dụ:

(5) Cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trăng rằm (trăng rằm mùa thu mờ bóng: Nàng Quỳnh Như xinh đẹp mà chết trẻ) [3].

(6) Hoa có một cành, tuyết có một quăng, nguyệt có một vàng (nàng Quỳnh Như xinh đẹp), mây có một đoá; thân là hiếm hoi chùng ấy, nữ nào lấy đôi mươi năm làm một kiếp mà ngom ngóm chốn non Bồng, nước Nhược (lên cõi tiên: chết), đỉnh gì không đoái cõi phù sinh? [3].

(7) Hoa có một cành, tuyết có một quăng, nguyệt có một vàng (vẻ đẹp của Quỳnh Như hiếm có như trăng), mây có một đoá; thân là hiếm hoi chùng ấy, nữ nào lấy đôi mươi năm làm một kiếp mà ngom ngóm chốn non Bồng, nước Nhược, đỉnh gì không đoái cõi phù sinh? [3].

(8) Tuổi nàng mới có mười ba, Tóc mây chắm đất sao sa non bồng [1].

- Trăng chỉ người cung phi với dụ dẫn nguyệt (9) trong biểu thức ẩn dụ:

(9) Đông quân sao khéo bắt tình, Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân (người cung phi xinh đẹp đã tàn phai nhan sắc) [2].

- Trăng chỉ người kĩ nữ với dụ dẫn nguyệt (10) trong các biểu thức ẩn dụ:

(10) Quá chơi lại gặp hồi đen, Quen môi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa (chốn phong lưu, chốn có nhiều kĩ nữ) [703].

Phòng khi kẻ thế người chê, Rằng cung tiên nữ đắm bẻ nguyệt hoa [1]; Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp, Liễu tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa [3].

- Sao chỉ người vợ lẽ với ẩn dụ tiểu tinh trong các biểu thức ẩn dụ:

(11) Xét cho công khóa (công lao) đi về, Nguyệt Hương cũng được dự phần tiểu tinh (được làm vợ lẽ) [2].

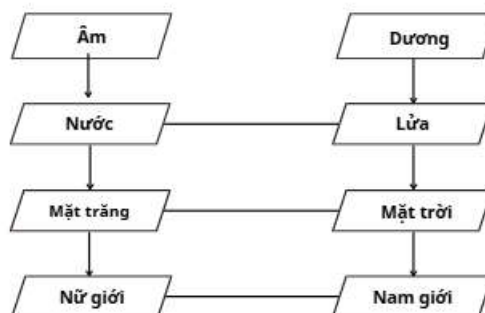
Nàng rằng: “Phải bước lưu ly, Phận hèn cam đã vâng bẻ tiểu tinh” (cam phận làm vợ lẽ) [3].

Đã ngoài sáu dật quy linh (ngoài 60 tuổi xưa nay hiếm), Phương đông lại rặng tiểu tinh một nàng (cưới được một người vợ lẽ) [3].

Ghi chú: tiểu tinh là ngôi sao chỉ sáng về ban đêm, như người vợ lẽ không dám gặp chồng ban ngày, mà chỉ lén lút gặp chồng vào ban đêm.

Miền nguồn TRĂNG NÓI CHUNG ánh xạ đến miền đích NỮ GIỚI bao gồm: (1) chỉ đàn bà con gái nói chung; (2) bé gái; (3) người con gái trẻ trung, trinh nguyên; (4) người con gái xinh đẹp hiếm có; (5) cung phi; (6) kĩ nữ; (7) vợ lẽ. Tất cả nữ giới từ em gái mới sinh, người con gái mới lớn, người con gái xinh đẹp, đến người phụ nữ đã có chồng và cả kĩ nữ lâu xanh đều được ví với trăng. Tuy vậy, qua khảo sát và phân tích, chúng tôi lại không tìm thấy người phụ nữ có tâm địa độc ác được ví với trăng, mà chỉ có nữ giới xinh đẹp, thiện lương, trung trinh mới được ví với trăng. Như vậy có hai vấn đề đặt ra để chúng ta giải quyết: (1) Tại sao miền nguồn TRĂNG NÓI CHUNG ánh xạ đến miền đích NỮ GIỚI? (2) Tại sao miền nguồn TRĂNG NÓI CHUNG chỉ ánh xạ đến nhóm phụ nữ thiện lương, xinh đẹp, trung trinh?

Với câu hỏi thứ nhất, đối với cư dân nền văn minh lúa nước ở phương Đông, thuyết Âm Dương ăn sâu vào trong tiềm thức của họ mấy ngàn năm qua. Nước (chảy hướng xuống mang tính âm) và lửa (cháy hướng lên trên mang tính dương) là hai yếu tố không thể thiếu trong lao động sản xuất của nền văn minh lúa nước. Mặt trăng đại diện cho nước vì liên quan đến thủy triều. Trăng mang tính âm vì trăng/ sao phát sáng vào ban đêm và ánh sáng mát dịu. Mặt trời đại diện cho lửa vì liên quan đến sức nóng. Mặt trời mang tính dương vì chiếu sáng vào ban ngày, ánh nắng chói chang rực rỡ. Con người là tiểu vũ trụ âm dương hài hòa, nên nam giới có sức mạnh mang tính dương, nữ giới thể chất yếu ớt, tâm hồn yếu đuối mang tính âm. Có thể khái quát bằng sơ đồ sau:



Từ sơ đồ trên, những yếu tố âm NƯỚC - TRĂNG/ SAO - NỮ GIỚI có sự liên quan đến nhau, nên người xưa thường lấy NƯỚC hoặc TRĂNG/ SAO để ánh xạ đến miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ. Miền nguồn NƯỚC sẽ được nghiên cứu ở ẩn dụ NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ VẬT THỂ TỰ NHIÊN.

Với câu hỏi thứ hai, ánh trăng sáng về đêm không chói lóa nóng rát như ánh mặt trời, mà mát dịu, bàng bạc mông lung, huyền ảo lung linh làm cho thế giới trăng trong kí ức của con người trở nên thơ mộng, đẹp đẽ. Chính vì vậy thuộc tính ánh trăng lung linh huyền ảo làm say lòng người đã được kích hoạt để ánh xạ đến người phụ nữ xinh đẹp, thiện lương, trung trinh. Từ đó, cho ta thấy tiêu chuẩn về người phụ nữ trong xã hội phong kiến là nhan sắc, thiện lương. Người phụ nữ có tâm địa xấu xa độc ác không dùng trăng để miêu tả. Thế giới trăng lung linh huyền ảo đẹp như cõi tiên với các dụ dẫn điển hình như *cung trăng*, *cung quế*, *cung nga*, *cung thiềm*, *cung quảng hàn*, v.v. Ý niệm này phải sinh dẫn đến ẩn dụ ý niệm NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TIÊN ở bài nghiên cứu khác.

b. Ẩn dụ NGÔI VỊ HOÀNG HẬU LÀ TRĂNG CÓ ÁNH SÁNG CỰC THỊNH

- Trăng ở giai đoạn ánh sáng cực thịnh chỉ ngôi vị hoàng hậu với dụ dẫn *thái âm*, *vàng vặc sáng* (12) trong biểu thức ẩn dụ:

(12) *Đóa thượng uyển hây hây đua nở, giọt sương ngưng mà hiu hắt màu hoa - Vàng thái âm vàng vặc sáng lòa (Vũ hoàng hậu), hơi vù ngất để mịt mờ bóng quế!* [3].

Trăng phát sáng về đêm ở trạng thái cực thịnh của âm gọi là *Thái âm*. Hoàng hậu là ngôi vị cao nhất của nội cung của các triều đại phong kiến. Sở dĩ trăng ở trạng thái *Thái âm*, cũng là trạng thái *vàng vặc sáng lòa* dùng để chỉ ngôi vị quyền uy của hoàng hậu là do Thái âm thuộc một trong bốn giai đoạn của Tứ tượng là Thiếu dương, Thái dương, Thiếu âm, Thái âm, tức là luật doanh hư, tiêu tướng của khí Âm Dương, lúc dày lúc mỏng. Dày là Thái, mỏng là Thiếu. Vạn vật (Nhân) từ khởi thủy đến hồi chung cuộc trải qua bốn giai đoạn THÀNH - THỊNH - SUY - HUY. **Thái âm** == là

giai đoạn HỦY, tức khí âm phát triển cực độ, lẫn át hết khí dương (Thu Giang, Nguyễn Duy Cần, 2019, tr.99-103).

Mặt trăng thuộc tính âm được ví với người phụ nữ, đặc biệt mặt trăng giai đoạn Thái âm ánh sáng cực thịnh được ví với ngôi vị hoàng hậu cao quý quyền năng. Mặt trời là Thái dương (lúc khí dương phát triển đến cực độ) mọc vào ban ngày nên mang tính dương. Chính vì vậy, Thái dương dùng để ví với nhà vua - tức thiên tử - có vị trí tối cao chỉ xếp sau Trời. Do vậy, trong tư duy của người phương Đông ở xã hội phong kiến tập quyền, trạng thái Thái âm của trăng chỉ ngôi vị hoàng hậu, trạng thái thái dương của mặt trời chỉ ngôi vua. Mặt trăng - mặt trời; thái âm - thái dương là âm - dương tạo nên vũ trụ trường tồn.

c. Ẩn dụ NGƯỜI PHỤ NỮ ĐÃ CHẾT LÀ TRĂNG CÓ ÁNH SÁNG MỜ.

- Trăng có ánh sáng mờ chỉ người phụ nữ đã chết với dụ dẫn *mịt mờ bóng quế* (13), *thu lẫn trăng rằm* (14) trong các biểu thức ẩn dụ sau:

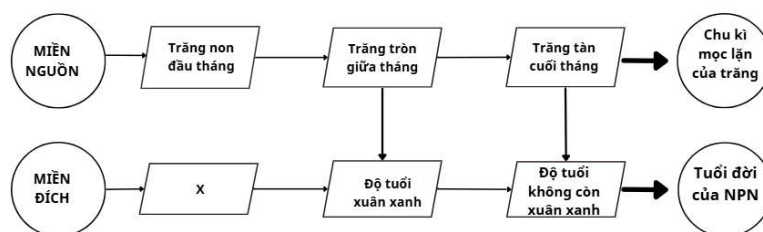
(12) *Đóa thương uyển hây hây đua nở, giọt sương ngưng mà hui hắt màu hoa – Vàng thái âm vàng vặc sáng lòe, hơi vù ngát để mịt mờ bóng quế!* (vàng trăng sáng đã bị sương che mờ: Vũ hoàng hậu đã chết) [3].

(13) *Cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trăng rằm* (trăng rằm mùa thu bị mờ bóng: người con gái chết trẻ) [3].

Chúng ta nhận biết trăng bằng ánh sáng, ánh trăng vằng vặc là lúc trăng rằm, ánh trăng mờ đi là lúc trăng sắp biến mất bởi đêm sắp chuyển sang ban ngày. Cuộc đời của người phụ nữ xưa cũng vậy, vì là mang tính âm, thể trạng yếu ớt, tâm hồn mong manh, cho dù ở vị trí nào (như ngôi vị hoàng hậu) rồi họ cũng phải lìa đời như ánh trăng mờ dần rồi tan biến vào bầu trời. Người con gái chết trẻ (như Quỳnh Như xinh đẹp và có tài văn chương) cũng được ví với trăng rằm bị mờ bóng. Ngược lại, chúng tôi chưa tìm thấy ánh nắng mờ ví với cái chết của nhà vua hay nam giới nói chung trong văn học Trung đại viết bằng chữ Nôm thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX. Điều này càng chứng minh mối quan hệ NGUỒN-ĐÍCH TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ là mối tương quan thuộc tính âm được sinh ra từ dương.

2.2. Ẩn dụ bậc dưới TUỔI ĐỜI NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỘC LẶN CỦA TRĂNG

Với ẩn dụ bậc dưới TUỔI ĐỜI NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỘC LẶN CỦA TRĂNG, khảo sát thấy 9 dụ dẫn và 9 lượt xuất hiện. Mô hình ánh xạ ẩn dụ này thể hiện ở Hình 3:



<Hình 3>: Mô hình ánh xạ của ẩn dụ

TUỔI ĐỜI NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỘC LẶN CỦA TRĂNG

a. Ẩn dụ ĐỘ TUỔI XUÂN XANH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG TRÒN GIỮA THÁNG

- Trăng tròn chỉ người con gái ở độ tuổi xuân xanh với dụ dẫn *trăng tròn* (14), *vòng tròn gương* (15) trong các biểu thức ẩn dụ sau:

(14) *Em nay: Tuổi mới trăng tròn, tiết hoa vừa nở, vâng lời sách hỏi, giải hết niềm đơn. Em cần thừa* [4].

Một nàng tuổi quá trăng tròn, Một chàng công tử tuổi còn ngây thơ [2].

(15) *Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng, Hoa thơm phong nhụy, trăng vòng tròn gương (người con gái mới lớn tiết trong giá sạch, vô khuyết điểm như vầng trăng rằm)* [3].

- Trăng rằm chỉ người con gái ở độ tuổi xuân xanh với dụ dẫn *đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt, rằm, trăng rằm* (16) trong biểu thức ẩn dụ sau:

(16) *Kìa những kẻ son phai phấn nhạt, cuộc phong trần luống đã chán chường xuân. Huống con lấy mặt hoa mày liễu chi dung nghi, chính đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt* [160a].

Hoa tàn mà lại thêm tươi, Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa [2].

(Kim Trọng cho rằng Kiều đã đổi chữ trinh lấy chữ liễu, như vậy còn đáng khâm phục gấp bội lần); Cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lẫn *trăng rằm* [3] (*trăng rằm* mùa thu mờ bóng: người con gái chết trẻ. *Trăng rằm*: chỉ người con gái mới lớn).

Chu kì trăng mọc lặn được tính theo tháng. Dân gian cho rằng, trăng đầu tháng gọi là trăng non (trăng lưỡi liềm đầu - thượng huyền), trăng giữa tháng gọi là trăng tròn (trăng rằm), trăng cuối tháng là trăng tàn (trăng lưỡi liềm cuối - hạ huyền) (*Pha mặt trăng* - Wikipedia). Trăng tròn thường vào ngày 16 âm lịch hàng tháng. Đây là giai đoạn đẹp nhất vì trăng tròn vành vạnh, sáng vàng vặc. Người con gái ở tuổi mới lớn, là độ tuổi cơ thể phát triển hoàn thiện tràn đầy sức sống nhất trong cuộc đời, các nét trên gương mặt thanh thú, tâm hồn thánh thiện chưa biết buồn đau. Vậy có thể thấy, trăng và người phụ nữ đều mang tính âm, đều là những thực thể có sự thay đổi theo thời gian ở ba mốc đầu - giữa - cuối, nên thuộc tính “trăng tròn giữa tháng” được kích hoạt để phóng chiếu đến thuộc tính “độ tuổi xuân xanh của người phụ nữ”.

b. Ẩn dụ ĐỘ TUỔI KHÔNG CÒN XUÂN XANH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG TÀN CUỐI THÁNG

- Trăng tàn chỉ người phụ nữ nhan sắc tàn phai, đã qua độ tuổi thanh xuân, không còn trinh nguyên nữa với các dụ dẫn *trăng tàn, tàn nguyệt, nguyệt tà* (17) trong các biểu thức ẩn dụ:

(17) *Hoa tàn mà lại thêm tươi, Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa* [3].

Đông quân sao khéo bất tình, Cành hoa tàn nguyệt (nhan sắc tàn phai), Bực mình hoài xuân [2].

Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng (nhan sắc lúc tàn tựa như trăng tàn, trăng lặn), Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn [2].

- Trăng khuyết chỉ người phụ nữ nhan sắc tàn phai, không còn chữ trinh (18) trong biểu thức ẩn dụ:

(18) *Bấy chầy gió táp mưa sa, Mấy trăng cũng khuyết (từ khi bán mình chuộc cha, Kiều trải qua bao nhiêu hoạn nạn), mấy hoa cũng tàn* [3].

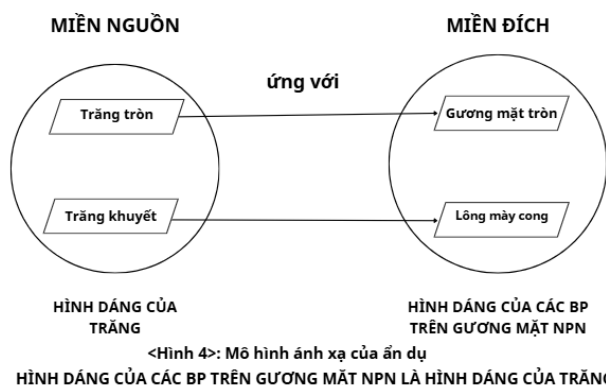
Trăng cuối tháng không còn tròn vành vạnh nữa, không còn sáng vàng vặc nữa, mà hình dáng trăng thu hẹp lại, ánh trăng cũng mờ dần rồi trăng tan biến vào bầu trời vì trăng tàn thì trời đã sáng. Người phụ nữ đã qua tuổi xuân xanh, theo thời gian nhan sắc cũng không còn nhuận hồng như tuổi mới lớn. Cũng theo thời gian, bị dòng đời đưa đẩy, vì là nữ giới ở trong xã hội nam quyền không làm chủ được cuộc đời mình nên chữ trinh bị hoen ố làm tâm hồn héo úa. Người phụ nữ trong xã hội phong kiến lấy chữ sắc và chữ trinh làm đầu, nếu không còn nữa thì họ không còn giá trị gì trên cuộc đời này nữa. Vậy có thể thấy, trăng và người phụ nữ đều mang tính âm, đều là những thực thể bị thay đổi theo thời gian, nên thuộc tính “trăng tàn cuối tháng” được kích hoạt để phóng chiếu đến thuộc tính “độ tuổi không còn xuân xanh của người phụ nữ”.

Đối với *ADYN TUỔI ĐỜI CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỌC LẶN CỦA TRĂNG* với sơ đồ ánh xạ ở <Hình 3> có thể thấy ý niệm trăng non đầu tháng bị che khuất không được kết nối với miền đích *TUỔI ĐỜI CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ*, ý niệm trăng tròn biểu thị “độ tuổi xuân xanh của NPN” và ý niệm trăng tàn biểu thị “độ tuổi không còn xuân xanh của NPN” được làm nổi bật. Trong xã hội phong kiến, theo quy định của Chu lễ 周礼, trẻ con từ 1 đến dưới 13 tuổi không phân biệt trai hay gái, đều để kiêu tóc tổng giác (总角 cột tóc sừng trâu). Nhưng con gái đến tuổi trăng tròn từ 13 tuổi trở lên (theo quan niệm “gái thập tam nam thập lục”) là độ tuổi cập kê (及笄 cài trâm) - độ tuổi lấy chồng. Khi đã “xuất giá tòng phu” rồi thì từ đó họ sống ở nhà chồng, chết làm ma nhà chồng. Chính vì vậy tuổi trăng rằm có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với đời người con gái, không chỉ là giai đoạn nhan sắc lên ngôi, mà quan trọng hơn giai đoạn này là cánh cửa mở ra cho một cuộc đời làm vợ, làm mẹ sớm khuya tần tảo, nâng khăn sửa túi cho chồng, cúc cung tận tụy vì chồng con. Tuổi xuân

xanh của người phụ nữ được kích hoạt từ thuộc tính chu kì mọc lặn của trăng - phần âm của vũ trụ. Miền nguồn phải là mặt trăng chứ không phải mặt trời; là trăng tròn đến trăng tàn chứ không kích hoạt giai đoạn trăng non đầu tháng.

2.3. Ẩn dụ bậc dưới HÌNH DÁNG CÁC BỘ PHẬN TRÊN GƯƠNG MẶT NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG CỦA TRĂNG

Với ẩn dụ bậc dưới HÌNH DÁNG CÁC BỘ PHẬN TRÊN GƯƠNG MẶT NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG CỦA TRĂNG, khảo sát thấy 11 dụ dẫn và 12 lượt xuất hiện. Mô hình ánh xạ ẩn dụ này thể hiện ở Hình 4:



a. Ẩn dụ HÌNH DÁNG GƯƠNG MẶT TRÒN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG TRĂNG TRÒN

Trăng có các biến thể khác như *nguyệt*, *quảng hàn*.

- Mặt trăng chỉ gương mặt tròn của người phụ nữ với dụ dẫn *khuôn trăng*, *gương trăng*, v.v. (19) ở các biểu thức ẩn dụ:

(19) *Vân xem trang trọng khác vời, Khuôn trăng đầy đặn (khuôn mặt đầy đặn phúc hậu), nét ngài nở nang* [3].

Da tuyết trắng, tóc mây xanh, Gương trăng (gương mặt tròn tựa trăng rằm) đua sánh, hoa cành phô tươi [5].

Hài nhi *gương mặt như trăng*, Đặt tên Xuân Tuyết, Thu Băng cho rành [5].

- Mặt nguyệt chỉ gương mặt tròn của người phụ nữ với các dụ dẫn *mặt vành vạnh nguyệt*, *mặt tròn khôn nguyệt* (20) ở các biểu thức ẩn dụ:

(20) *Người đầu trong ngọc trắng ngà, Mặt vành vạnh nguyệt, tóc ngà ngà mây* [1].

Bước vào xem tượng truyền thần, Mặt tròn khôn nguyệt môi nhuân vẽ đàn [4].

- Quảng hàn chỉ gương mặt tròn của người phụ nữ với các dụ dẫn *mặt gương quảng hàn* (21) được tìm thấy ở biểu thức ẩn dụ:

(21) *Phòng trai vừa hé then sương, Dưới đèn lông lánh mặt gương quảng hàn* [1].

b. Ẩn dụ HÌNH DÁNG LÔNG MÀY CONG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG TRĂNG KHUYẾT

- Hình dáng trăng khuyết chỉ lông mày cong của người phụ nữ với các dụ dẫn *nguyệt* (22), *nét nguyệt*, *nửa vành thu nguyệt*, *bán nguyệt* (23), *mây trắng* (24) ở các biểu thức ẩn dụ:

(22) *Xưa sao thắm liễu tươi xuân mới, Rày bỗng phai đào ủ nguyệt rày (lông mày cong như vầng trăng khuyết)* [1].

(23) *Gót đầu vâng dạy mấy lời, Đường chau nét nguyệt (nét lông mày hình bán nguyệt), đường phai vẽ hồng* [3].

Mấy đoạn Sờ vân xuôi tóc phượng, Nửa vành thu nguyệt vạnh mi nga [1].

Một nàng tiên nữ xinh sao, Mây trắng bán nguyệt, miệng chào trăm hoa [1].

(24) *Mấy cành thoa ngọc lung lay, Mây trắng vầng vạc, tóc mây rà rà* [5].

Kích thước của mặt trăng với kích thước của gương mặt và lông mày của NPN vô cùng chênh lệch, nhưng sự không đồng nhất này đã bị che mờ, để làm nổi bật thuộc tính “hình dáng trăng tròn” và “hình dáng trăng lưỡi liềm” kết nối với thuộc tính “hình dáng gương mặt” và “hình dáng lông mày” của người phụ nữ. Trên bầu trời có hai vật thể tròn mặt trăng và mặt trời gắn liền với cư dân lúa nước từ mấy ngàn năm qua. Nhưng khi liên tưởng đến hình dáng tròn của gương mặt hay hình bán nguyệt của lông mày người phụ nữ thì chắc chắn mặt trăng sẽ được chú ý đến, bởi lẽ mặt trăng mang tính âm, mặt trời mang tính dương.

5. Kết luận

Với ba hệ thống ánh xạ nguồn-đích TRĂNG-NGƯỜI PHỤ NỮ: (1) CÁC LOẠI PHỤ NỮ LÀ CÁC LOẠI TRĂNG; (2) TUỔI ĐỜI CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ CHU KÌ MỘC LẠN CỦA TRĂNG; (3) HÌNH DÁNG CÁC BỘ PHẬN TRÊN GƯƠNG MẶT NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ HÌNH DÁNG CỦA TRĂNG, cho thấy thuyết Âm Dương và Tam tài là cơ sở để giải mã tại sao miền nguồn TRĂNG được kích hoạt để ánh xạ đến miền đích NGƯỜI PHỤ NỮ. Bài nghiên cứu này đã chứng minh: (1) Người phụ nữ thuộc phần âm của vũ trụ - tồn tại vĩnh cửu với phần dương của vũ trụ; (2) tiêu chuẩn đánh giá người phụ nữ trong xã hội phong kiến là có nhan sắc, trung trinh và thiện lương; (3) bản thân người phụ nữ thuộc tính âm nên thân phận của họ mong manh yếu đuối, họ chỉ được chú ý ở hai giai đoạn: trăng rằm - xuân xanh và trăng tàn - nhan sắc tàn phai, không còn trinh nguyên và cái chết; (4) chỉ những người phụ nữ xinh đẹp, thiện lương, trung trinh, mong manh yếu đuối mới được ví với trăng, những người phụ nữ tâm địa xấu xa, bản tính độc ác không thấy được ví với trăng; (5) ẩn dụ ý niệm NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG mang tính hệ thống, có khả năng mở rộng dựa trên ẩn dụ ý niệm khác, cũng có khả năng làm nền tảng tạo ra ẩn dụ ý niệm khác. Vậy, với ẩn dụ ý niệm NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ TRĂNG, cho thấy người phụ nữ ở thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX trong xã hội nam quyền đóng vai trò vô cùng quan trọng trong vũ trụ quan của các nhà văn đương thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền Linh, Vũ Xuân Lương, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa (2015), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
2. Kim Định (2017), *Nhân bản*. Nxb Hội nhà văn.
3. Geeraerts, D. (2010), *Theories of Lexical Semantics. Các lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng*. Dịch: Phạm Văn Lam (2014). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Lý Toàn Thắng (2015), *Ngôn ngữ học tri nhận - Những nội dung quan yếu*. Nxb Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Đăng Na (2006), *Con đường giải mã văn học Trung đại Việt Nam*. Nxb Giáo dục Hà Nội.
6. Thu Giang Nguyễn Duy Cần (2019), *Dịch học tinh hoa - Chu dịch huyền giải*. Nxb Trẻ.
7. Trần Quốc Vượng (1996) (tái bản lần thứ 8 năm 2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục.

Tiếng Anh

8. Kövecses, Z. (2010), *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.
9. Lakoff, G. & Johnson, M. 1980. *Metaphors we live by* (2nd edition 2003). University of Chicago Press.

NGŨ LIỆU

1. Lê Văn Quán chủ biên. Lê Văn Quán, Kiều Thu Hoạch, Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Thanh Xuân sưu tầm và biên soạn (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 10. Nxb Khoa học Xã hội. [1].
2. Nguyễn Thạch Giang chủ biên (2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam - Văn học thế kỉ XVIII*, tập 5, quyển 1. Nxb Khoa học Xã hội. [2].
3. Nguyễn Thạch Giang chủ biên (2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam - Văn học thế kỉ XVIII*, tập 5, quyển 2. Nxb Khoa học Xã hội. [3].

4. Nguyễn Thạch Giang 2003, *Tiếng Việt trong thư tịch cổ Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. [4].
5. Phan Văn Các, Đặng Đức Siêu chủ biên. Phan Văn Các, Nguyễn Thạch Giang, Vũ Thị Hằng, Trần Nghĩa, Dương Thị The (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 16. Nxb Khoa học Xã hội. [5].

Conceptual metaphor of "WOMEN ARE THE MOON" in Vietnamese medieval literature

Abstract: The natural phenomenon of “moon” is a popular literary object of many cultures in the world, and Vietnamese Medieval literature is no exception. In the process of perceiving and understanding women and explaining the world around women, the concept of “moon” in Vietnamese medieval literature is based on the theory of conceptual metaphors that is expanded, bringing metaphorical meaning and rich cultural connotation. With 29 metaphorical linguistic expressions, 48 occurrences and 38 metaphorical statements out of 2.781 metaphorical and metonymic statements expressing the concept of women examined from 71 Nom script works of Vietnamese Medieval literature (18th century - first half of 19th century), on the basis of the Conceptual Metaphor theory of Cognitive Linguistics, on the foundation of Yin and Yang in the Thien-Nhan-Dia Theory of ancient Eastern philosophy, this study has established 3 mapping systems between the source-destination MOON-WOMEN: (1) TYPES OF WOMEN ARE TYPES OF MOON, (2) THE LIFE OF A WOMAN IS THE CYCLE OF THE MOON'S RISING AND SETTING, (3) THE SHAPES OF WOMEN'S FACIAL FEATURES IS THE SHAPE OF THE MOON; has decoded the reason why the attributes of the source domain MOON are activated to map to the attributes of the target domain WOMEN, meaning both MOON and WOMEN belong to the Yin part of the universe; has proven the cosmology of the ancient Vietnamese in the source-target relationship MOON-WOMEN.

Key words: Conceptual metaphor; moon; women; Thien-Nhan-Dia theory; Vietnamese medieval literature.